

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ TDPC13 xã Cát Hanh và xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định” của Công ty TNHH Tân Lập**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;*

*Căn cứ Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Cát Hanh và xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát;*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 176/GP-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Tân Lập;*

*Theo kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tỉnh vào ngày 27 tháng 3 năm 2025 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 274/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 4 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ TDPC13 xã Cát Hanh và xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định” do Công ty TNHH Tân Lập thực hiện với các nội dung như sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò và phê duyệt trữ lượng là 3,30ha, có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122 là 284.443m<sup>3</sup>, gồm:

- Trữ lượng khoáng sản chính là đất làm vật liệu san lấp 261.688m<sup>3</sup>;
- Trữ lượng khoáng sản đi kèm là đá tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường 22.755m<sup>3</sup>.

3. Hệ số nở ròi: 1,241.

4. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: +23,3m; Trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục 2 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo.

5. Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122 là 261.688m<sup>3</sup>.

6. Đối với phần tài nguyên, trữ lượng khoáng sản đi kèm là đá tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường 22.755m<sup>3</sup>: Công ty TNHH Tân Lập có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong diện tích mỏ theo quy định tại Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 12/3/2022 của UBND tỉnh

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chi cục Thuế khu vực XIII; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Chủ tịch UBND xã Cát Hanh, Chủ tịch UBND xã Cát Hiệp; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Tân Lập chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N. T. Thanh;
- Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chi cục ĐC&KS miền Trung;
- Lưu: VT, K<sub>4</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Phụ lục 01

**Tọa độ khu vực thăm dò và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ TDPC13 xã Cát Hanh và xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số           /QĐ-UBND ngày    tháng    năm 2025 của UBND tỉnh Bình Định)*

<b>STT</b>	<b>X(m)</b>	<b>Y (m)</b>
1	1.554.152	583.720
2	1.554.136	583.804
3	1.553.929	583.842
4	1.553.896	583.822
5	1.553.855	583.721
6	1.554.004	583.684
<b>Diện tích 3,30 ha</b>		

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Phụ lục 02

**Thống kê trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ TDPC13  
xã Cát Hanh và xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025  
của UBND tỉnh Bình Định)

**Trữ lượng thăm dò toàn mỏ đến cost +23,3m  
(Trữ lượng tính đến ngày 20/01/2025)**

TT	Số hiệu khối – cấp trữ lượng	Công trình	Chiều dày tầng sản phẩm (m)	Chiều dày trung bình (m)	Diện tích khối trữ lượng (m <sup>2</sup> )	Trữ lượng đất san lấp và đá lẫn làm VLXDTT (m <sup>3</sup> )	Cost tính trữ lượng thấp nhất
1	TL1-122	LK1	7,7	8,13	13.770	111.950	+30,8
		LK2	10,5				
		G1	6,2				
2	TL2-122	LK2	10,5	8,97	19.230	172.493	+23,3
		G1	6,2				
		LK3	10,2				
Tổng						284.443	
Trữ lượng đất san lấp chiếm 92%						261.688	
Trữ lượng đá tảng lẫn làm VLXDTT chiếm 8%						22.755	

**Trữ lượng huy động vào khai thác đến cost +23,3m  
(Trữ lượng tính đến ngày 20/01/2025)**

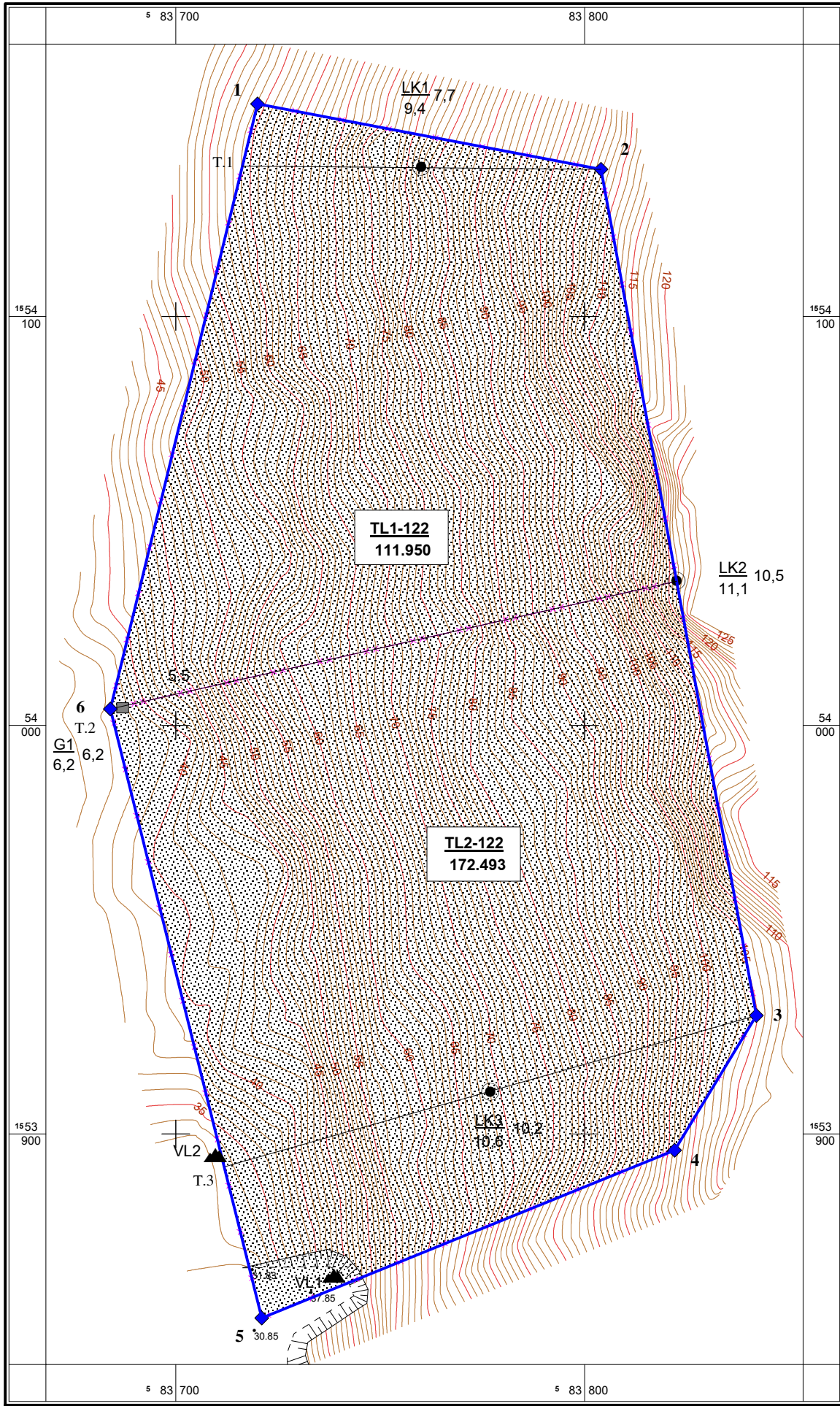
TT	Số hiệu khối – cấp trữ lượng	Trữ lượng đất san lấp và đá lẫn làm VLXDTT (m <sup>3</sup> )	Trữ lượng đất san lấp 92% (m <sup>3</sup> )	Cost tính trữ lượng thấp nhất
1	TL1-122	111.950	102.994	+30,8
2	TL2-122	172.493	158.694	+23,3
<b>Tổng cộng</b>		<b>284.443</b>	<b>261.688</b>	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

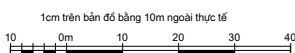
## BÌNH ĐỒ PHÂN KHỐI TÍNH TRỮ LƯỢNG

ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TDPC13 TẠI NÚI MỘT, XÃ CÁT HANH VÀ XÃ CÁT HIỆP,  
HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Bình Định



TỶ LỆ 1:1.000



Bản đồ thành lập bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp:  
Hoàn thành tháng 1 năm 2025. Hệ tọa độ Quốc gia  
VN-2000 và độ cao Quốc gia Hòn Dấu  
múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút.

## PHỤ LỤC

### CHỈ DẪN

<b>TL1-122</b> <b>111.950</b>	Số hiệu khối - Cấp trữ lượng Trữ lượng (m³)
	Khối tính trữ lượng cấp 122
T.2	Hệ thống tuyến thăm dò và số hiệu
	Lỗ khoan thăm dò $\frac{\text{Số hiệu}}{\text{Chiều sâu (m)}}$ Chiều dày tầng đất san lấp (m)
	Giếng thăm dò $\frac{\text{Số hiệu}}{\text{Chiều sâu (m)}}$ Chiều dày tầng đất san lấp (m)
	Đường đồng mức và giá trị độ cao
	Vết lộ dọn sạch và số hiệu
	Điểm góc và số hiệu
	Ta ly moong khai thác cũ
	Điểm chi tiết và giá trị độ cao
	Diện tích thăm dò

### BẢNG TÍNH TRỮ LƯỢNG ĐẤT SAN LẤP

TT	Số hiệu khối- Cấp trữ lượng	Công trình	Chiều dày tầng sản phẩm (m)	Chiều dày trung bình (m)	Diện tích khối trữ lượng (m²)	Trữ lượng cấp 122 (m³)	Cost tính trữ lượng thấp nhất
1	TL1-122	LK1	7,7	8,13	13.770	111.950	+30,8
		LK2	10,5				
		G1	6,2				
2	TL2-122	LK2	10,5	8,97	19.230	172.493	+23,3
		G1	6,2				
		LK3	10,2				
TỔNG					33.000	284.443	
TRỮ LƯỢNG ĐẤT SAN LẤP CHIẾM 92%:						261.688	
TRỮ LƯỢNG ĐÁ TẢNG LÀN CHIẾM 8%:						22.755	